**QUY TRÌNH 18**

**Cấp mới giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1289 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hồ sơ** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 01 | Đơn đề nghị cấp/ cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. (theo mẫu) | 01 | Bản chính |
| 02 | Giấy chứng nhận tổ chức, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh hàng nguy hiểm hoặc được phép kinh doanh vận chuyển hàng hóa theo quy định của pháp luật hiện hành. | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 03 | Bảng kê khai các thông tin về hàng nguy hiểm. | 01 | Bản chính |
| 04 | Giấy phép điều khiển phương tiện vận chuyển | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 05 | Giấy đăng ký phương tiện vận chuyển, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận chuyển còn thời hạn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện vận chuyển còn thời hạn hiệu lực do cơ quan bảo hiểm cấp cho chủ phương tiện.  Trường hợp tổ chức, cá nhân có hàng nguy hiểm cần vận chuyển phải thuê phương tiện vận chuyển, tổ chức, cá nhân phải nộp kèm theo bản sao hợp đồng thương mại hoặc bản sao văn bản thỏa thuận về việc vận chuyển hàng nguy hiểm có chữ ký, đóng dấu xác nhận (nếu có) của các bên ký hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, trong đó nêu chi tiết các thông tin về phương tiện vận chuyển (loại phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát, trọng tải) | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 06 | Chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động - vệ sinh lao động còn thời hạn hiệu lực của những người tham gia vận chuyển hàng nguy hiểm được cấp theo quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định về công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 07 | Giấy chứng nhận đã tham gia, hoàn thành khóa đào tạo và huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất còn thời hạn hiệu lực do Sở Công Thương cấp cho người Điều khiển phương tiện vận chuyển, người áp tải và người tham gia vận chuyển hàng nguy hiểm | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 08 | Phiếu an toàn hóa chất của hàng nguy hiểm cần vận chuyển bằng tiếng Việt của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hàng nguy hiểm theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Luật Hóa chất, kèm theo bản sao bằng ngôn ngữ nguyên gốc của doanh nghiệp sản xuất hàng nguy hiểm (nếu có). Nội dung Phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 09 | Phương án ứng cứu khẩn cấp sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng nguy hiểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 44/2012/TT-BCT đối với hàng hóa bắt buộc phải lập phương án ứng cứu khẩn cấp theo quy định | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |
| 10 | Phương án làm sạch thiết bị và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau khi kết thúc vận chuyển hàng nguy hiểm có chữ ký, đóng dấu xác nhận của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. (theo mẫu) | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc photo kèm bản chính để đối chiếu |

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** | **Thời gian xử lý** | **Lệ phí** |
| Bộ phận Một cửa – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, địa chỉ: 263 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Không |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| **Bước công việc** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Hồ sơ/Biểu mẫu** | **Diễn giải** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| B1 | **Nộp hồ sơ** | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| **Kiểm tra hồ sơ** | Bộ phận Một cửa | * BM 01 * BM 02 * BM 03 | Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do.  - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. |
| B2 | **Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn** | Bộ phận một cửa | 0,25 ngày làm việc | * BM 01 * Theo mục I | Công chức Bộ phận Một cửa thực hiện scan dữ liệu hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn |
| B3 | **Phân công thụ lý hồ sơ** | Lãnh đạo Phòng chuyên môn | 0,5 ngày làm việc | * BM 01 * Theo mục I | Lãnh đạo Phòng phân công công chức thụ lý hồ sơ |
| B4 | **Thẩm định hồ sơ, Đề xuất kết quả giải quyết TTHC** | Công chức thụ lý hồ sơ | 03 ngày làm việc | * BM 01 * Theo mục I * Hồ sơ trình * Dự thảo kết quả | Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ:  Hồ sơ đủ điều kiện: tham mưu tờ trình, giấy xác nhận  Hồ sơ chưa đủ điều kiện: tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do.  Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét. |
| B5 | **Xem xét, trình ký** | Lãnh đạo Phòng | 0,5 ngày làm việc | * Theo mục I * BM 01   Hồ sơ trình kèm Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ:  - Nếu đồng ý: ký nháy văn bản trình lãnh đạo Sở ký duyệt.  - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Bước 4 |
| B6 | **Phê duyệt** | Lãnh đạo Chi cục | 0,5 ngày làm việc | * Theo mục I * BM 01   Hồ sơ trình kèm Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ:   * Nếu đồng ý: ký Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. * Nếu không đồng ý: chuyển lại Bước 5 |
| B7 | **Ban hành văn bản** | Công chức thụ lý hồ sơ | 0,25 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Lấy số, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển Giấy chứng nhận cho Bộ phận một cửa |
| B8 | **Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi** | Bộ phận một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân.  - Thống kê, theo dõi. |

**IV. BIỂU MẪU**

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hiệu** | **Tên biểu mẫu** |
|  | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
|  | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
|  | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
|  | BM 04 | Đơn đề nghị cấp/cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |
|  | BM 05 | Bảng kê khai các thông tin về hàng nguy hiểm |
|  | BM 06 | Phương án làm sạch thiết bị và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau khi kết thúc vận chuyển hàng nguy hiểm có chữ ký, đóng dấu xác nhận của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |
|  | BM 07 | Thông báo lý do không tiếp nhận hồ sơ |
|  | BM 08 | Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hiệu** | **Tên biểu mẫu** |
|  | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
|  | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
|  | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
|  | - | Các thành phần hồ sơ (mục I) |
|  | BM 08 | Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

* Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008);
* Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008);
* Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa (có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo);
* Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2017);
* Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2009);
* Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018);
* Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016);
* Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018).
* Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP.

**BM 04**(Theo quy định Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG****GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM (....)**

Kính gửi: …………………………………………………

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm: …

Địa chỉ:…

Điện thoại ………Fax …………Email: …………….………

Giấy đăng ký doanh nghiệp số …………….ngày...tháng … năm……, tại …

Họ tên người đại diện pháp luật …………….……………Chức danh …………

Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu số: …

Đơn vị cấp: … ngày cấp…

Hộ khẩu thường trú: …

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng nguy hiểm** | **Số UN** | **Loại nhóm hàng** | **Số hiệu nguy hiểm** | **Khối lượng vận chuyển (dự kiến)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bao gồm:

1.

2.

…………*(tên tổ chức, cá nhân)………* cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………….., ngày …… tháng …… năm………*  **Đại diện tổ chức, cá nhân** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *đề nghị cấp loại hình nào thì ghi loại đó (cấp mới/cấp bổ sung phương tiện giao thông đường bộ/đường sắt/đường thủy nội địa)*

**BM 05** (Theo quy định Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016)

**DANH MỤC TÊN, KHỐI LƯỢNG HÀNG NGUY HIỂM VÀ LỊCH TRÌNH VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM; DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ NGƯỜI ÁP TẢI HÀNG NGUY HIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hàng nguy hiểm | Khối lượng vậnchuyển | Chủ phương tiện vận chuyển | Phương tiện vậnchuyển | Tải trọng phương tiện | Thời gian vận chuyển (dự kiến) | Lịch trình vận chuyển | | | Người Điều khiển phương tiện | Người áp tải hàng nguy hiểm |
| Điểm nhận hàng | Điểm trung chuyển | Điểm giao hàng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*(2): Ghi rõ tên hàng nguy hiểm, loại, nhóm hàng, so UN và số hiệu nguy hiểm theo quy định tại Nghị định nêu trong Thông tư này;*

*(3): Ghi rõ khối lượng hàng nguy hiểm cần vận chuyển;*

*(4): Ghi rõ tên chủ sở hữu phương tiện (địa chỉ, nếu có);*

*(5,6): Ghi rõ loại phương tiện, biển kiểm soát, tải trọng của phương tiện (theo đúng Giấy đăng kýphương tiện);*

*(7, 8, 9,10): Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ nơi đi, nơi đến bao gồm từ Điểm nhận hàng đến kho của tổ chức, cá nhân và từ kho đến các địa Điểm khác (nếu có);*

*(11, 12): Ghi rõ họ tên và số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của người Điều khiển, người áp tải.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………….., ngày …… tháng …… năm………*  **Đại diện tổ chức, cá nhân** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**BM 06** (Theo quy định Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018)

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP 1 -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *………2….., ngày …… tháng …… năm 20….…* |

**PHƯƠNG ÁN LÀM SẠCH THIẾT BỊ VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SAU KHI KẾT THÚC VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM**

1. Vị trí thực hiện quá trình tẩy rửa, làm sạch phương tiện vận chuyển, bao bì, vật chứa, thiết bị sử dụng trong quá trình vận chuyển.

………………………………………………………………………………………..

1. Cơ sở vật chất sử dụng cho quá trình tẩy rửa, làm sạch phương tiện vận chuyển, bao bì, vật chứa, thiết bị sử dụng trong quá trình vận chuyển.

…………………………………………………………………………………....

1. Xử lý chất thải rắn, lỏng thu được sau khi tẩy rửa, làm sạch phương tiện vận chuyển, bao bì, vật chứa, thiết bị sử dụng trong quá trình vận chuyển.

…………………………………………………………………………………....

1. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác có liên quan.

................................................................................................................................

Doanh nghiệp … (ghi tên doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm) cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi vận chuyển hàng nguy hiểm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp** *(Ký tên, đóng dấu)* |

1 Ghi tên của chủ thể đứng đơn đăng ký cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm

2 Ghi địa danh nơi doanh nghiệp nộp hồ sơ

**BM 07**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **CHI CỤC TIÊU CHUẨN**  **ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TB-TĐC | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc không tiếp nhận hồ sơ …**

Kính gửi: …………………………………………………….

Ngày … tháng … năm …, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tiếp nhận hồ sơ … của … Căn cứ Thông tư số …, sau khi thẩm xét hồ sơ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo đến Quý doanh nghiệp hồ sơ … không được tiếp nhận.

Lý do: …

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị Quý doanh nghiệp liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục để được hướng dẫn cụ thể./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Bộ phận một cửa;  - Lưu: VT, A (3b). | **CHI CỤC TRƯỞNG** |

**BM 08**(Theo quy định Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH/THÀNH PHỐ … **CHI CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | | Số ..../ GPVC - CCTĐC |  |     **GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM (....)**  ***1. Tên hàng nguy hiểm, nhóm hàng, mã UN:***  ***2. Tên, địa chỉ doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép vận chuyển:***  ***3. Tên chủ phương tiện:***  ***4. Tên phương tiện, biển kiểm soát, tải trọng:***  ***5. Tên người điều khiển phương tiện:***  ***6. Tên người áp tải:***  ***7. Khối lượng hàng hóa:***  ***8. Nơi đi, nơi đến:***  ***9. Thời hạn vận chuyển:***…..tháng, kể từ ngày ký (hoặc chuyến hàng...)     |  |  | | --- | --- | |  | **CHI CỤC TRƯỞNG** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | | *Vào sổ đăng ký số:  Ngày …….. tháng ……… năm………* |  | |  |  | |

***Ghi chú:***Giấy phép cấp cho loại hình vận tải nào thì ghi cụ thể loại hình đó (bằng phương tiện giao thông đường bộ/đường sắt/đường thủy nội địa; cấp lại)

- Mục 1, ghi đầy đủ tên hàng nguy hiểm được cấp giấy phép vận chuyển, trường hợp có nhiều chủng loại (tên) hàng nguy hiểm, thì nội dung này cần được xây dựng thành phụ lục đính kèm. Khi đó, nội dung ở Mục này sẽ ghi *“theo Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này”.*

- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép vận chuyển cho nhiều phương tiện, nhiều người Điều khiển phương tiện và nhiều người áp tải thì các nội dung ở Mục 3, 4, 5, 6 của mẫu giấy phép vận chuyển cần được xây dựng thành phụ lục với các nội dung tương tự (tại Mục 4, 5, 6, 11, 12) quy định tại Mẫu 2. DMNHN-LT-PT- NĐKAT của Phụ lục Thông tư này. Khi đó, nội dung ở các Mục 3, 4, 5, 6 của Giấy phép vận chuyển sẽ ghi: “*theo Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này”.*

- Trường hợp doanh nghiệp có lịch trình vận chuyển đến nhiều địa Điểm khác nhau với khối lượng vận chuyển khác nhau thì các nội dung ở Mục 7, 8, 9 cần được xây dựng thành phụ lục với các nội dung tương tự (tại Mục 3, 7, 8, 9, 10) quy định tại Mẫu 2. DMNHN-LT-PT-NĐKAT của Phụ lục Thông tư này Khi đó, nội dung ở các Mục 7, 8, 9 của Giấy phép vận chuyển sẽ ghi: *“theo Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này”*

- Trường hợp cấp lại/cấp bổ sung ghi rõ: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (cấp lại/cấp bổ sung).

- Các Phụ lục của Giấy phép vận chuyển (nếu có) phải được đóng dấu treo và dấu giáp lai theo quy định.